TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2019
V/v:Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn

Ông Trần Đ Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Sâm, Thư ký- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019.Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2018/TLST-HNGĐ, ngày 4 tháng 10 năm 2018, về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lăng Thị H, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Vựa Ngoài, xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lãnh Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Thảo, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 31/7/2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lăng Thị H, trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lãnh Văn Đ kết hôn với nhau ngày 14/12/2013 (Âm lịch), đăng ký kết hôn ngày 22/11/2013 tại UBND xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi cưới chị về gia đình nhà anh Đ làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 5 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày anh hay uống rượu, mỗi lần khi uống rượu về anh Đ lại sinh sự chửi mắng chị. Chị đã khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không nghe mà còn đánh chị,

có lần trong 01 tháng anh Đ đã đánh chị 02 đến 03 lần. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên bảo anh Đ, chị cũng đã nhờ bố mẹ chồng và anh em trong họ khuyên bảo anh Đ nhưng vẫn không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Đến tháng 8/2017 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian ngắn. Sau đó anh Đ đã sang gia đình chị để đón chị về. Nhưng anh Đ vẫn uống rượu, chị tiếp tục khuyên bảo anh Đ chịu khó làm ăn kinh tế, nhưng anh Đ không sửa đổi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Hiện nay, anh Đ đã đi làm xa không cho chị biết địa chỉ, chị cũng đã hỏi bố mẹ anh Đ về địa chỉ nhưng anh Đ cũng không cho bố mẹ anh Đ biết địa chỉ, chị được biết anh Đ vẫn gọi điện về gia đình để hỏi thăm gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để giải thoát cho 02 bên.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung công nợ chung.

Tại biên bản làm việc, ghi ngày 14/9/2018 ông Hoàng Văn Sơn là Trưởng thôn Thảo, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn cung cấp: Anh Lãnh Văn Đ, chị Lăng Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thảo, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã đến gia đình anh Đ làm việc nhiều lần nhưng không gặp anh Đ, do anh Đ đi làm xa không có ở nhà. Qua sinh hoạt tại địa phương chưa lần nào phải giải quyết việc gì liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị H. Tuy nhiên theo thông tin của người dân trong thôn và ý kiến của ông Lãnh Cao Viên là bố đẻ anh Đ thì cuộc sống vợ chồng anh Đ, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ hay uống rượu say xỉn, về nhà vợ chồng đánh nhau, gia đình anh Đ cũng đã khuyên bảo anh Đ nhưng không có kết quả. Hiện nay anh Đ đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, chị H đã cắt khẩu không còn ở địa phương. Chị H có đơn xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết.

Tại biên bản làm việc, ghi ngày 03/10/2018 ông Lãnh Cao Viên là bố đẻ anh Lãnh Văn Đ, trình bầy: Anh Lãnh Văn Đ và chị Lăng Thị H là con trai và con dâu ông. Anh Đ và chị Hiện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh Đ và chị H có được tự do tìm hiểu thỏa thuận và cùng thống nhất đi đến hôn nhân. Việc cưới hỏi của vợ chồng anh Đ, được 02 bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ hay uống rượu say xỉn về nhà vợ chồng hay gây gổ đánh nhau. Gia đình ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 01/2018 anh Đ đi làm, nhưng gia đình không rõ anh Đ đi làm ở đâu. Anh Đ vẫn liên lạc về gia đình ông cũng đã thông báo cho anh Đ biết việc chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Đ đã nói với gia đình ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, nhưng do anh Đ không thu xếp thời gian về để giải quyết được, anh Đ đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án qua gia đình. Nay chị H có đơn ly hôn và chị H đã tự ý cắt khẩu khỏi ra đình nhà chồng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh Đ và chị H không có con chung. Về tài sản chung và công nợ chung, vợ chồng anh Đ và chị H tự giải quyết gia đình ông không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh, ghi ngày 16/10/2018 ông Trần Khánh Dư là Trưởng Công an xã Biển Động, huyện Lục Ngạn cung cấp: Anh Lãnh Văn Đ là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Thảo, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh Đ chưa tách khẩu hay chuyển khẩu đi nơi khác. Nhưng là lao đông tự do nên từ tháng 02/2018 anh Đ đi làm ăn xa nhà, ít khi có mặt tại địa phương. Do anh Đ và gia đình không khai báo cho nên địa phương không biết hiện nay anh Đ ở đâu. Tòa án đã nhiều lần cùng chính quyền địa phương đến nhà anh Đ để làm việc, nhưng anh Đ không có mặt ở gia đình.

Đại Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn chị Lăng Thị H đã chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Lãnh Văn Đ không chấp hành tốt không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lăng Thị H. Về quan hệ hôn nhân cho chị H được ly hôn anh Lãnh Văn Đ.

Về con chung, do chị H và anh Đ không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xét xử nhận định:

[1].**Về tố tụng**: Tòa án cũng đã nhiều lần cùng với ông Hoàng Văn Sơn là Trưởng thôn Thảo, xã Biển Động đến gia đình anh Đ làm việc và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ, Tòa án đã tiến hành làm việc với Công an xã Biển Động về đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của anh Đ. Hiện nay, anh Đ vẫn có hộ khẩu tại địa phương anh Đ cũng chưa làm thủ tục tách khẩu, chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Do anh Đ và gia đình không khai báo cho nên địa phương không biết anh Đ đang làm việc và sinh sống ở đâu. Tòa án đã làm việc với ông Lãnh Cao Viên là bố đẻ anh Đ, ông Viên đã xác nhận hiện nay anh Đ đi làm nhưng gia đình không rõ anh Đ làm việc ở đâu. Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình và có biết việc chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, ông đã thông báo cho cho anh Đ biết yêu cầu này của chị H. Do anh Đ thường xuyên vắng mặt ở địa phương nên Tòa án không thể thực hiện tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Đ được. Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ căn cứ Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố

tụng dân sự Tòa án đã tống đạt cho ông Lãnh Cao Viên là bố đẻ anh Đ cùng sinh sống và có hộ khẩu với anh Đ theo quy định của pháp luật và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Đ theo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Đ, nhưng tại phiên Tòa anh Đ vẫn vắng mặt không lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[2].**Về nội dung**: Chị Lăng Thị H và anh Lãnh Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 22/11/2013, có đăng ký kêt hôn tại UBND xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới chị H đã về gia đình nhà anh Đ làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 5 tháng thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày anh Đ hay uống rượu, mỗi lần uống rượu về say xỉn anh Đ lại sinh sự chửi mắng, đánh chị H. Chị H và gia đình đã khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra thường xuyên, đến tháng 8/2017 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ để ở. Vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian ngắn, sau đó Đ đã sang gia đình nhà chị H để đón chị về. Chị H tiếp tục khuyên bảo anh Đ chịu khó làm ăn kinh tế, nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Vợ chồng chị H, anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ 02 lần để hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, do vậy đã không hòa giải được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Đ không có tài sản chung công nợ chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lăng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28; Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lăng Thị H.

[1].Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lăng Thị H được ly hôn anh Lãnh Văn Đ.

[2].Về án phí: Chị Lăng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0005047 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Chị Lăng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lãnh Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Biển Động, huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn An Ninh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân

được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo

quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)